

Bản án số: 123/2026/DS -ST
Ngày: 07-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp họ (Hội)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Sương**.

Ông **Nguyễn Thành Long**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Hồng Gấm** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2025/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng góp họ (Hội)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Tấn P**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T (nay là ấp M), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 08/12/2025).

- **Bị đơn:**

1. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1972. (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã C1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/12/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Nguyên từ năm 2024 đến năm 2025 anh có tham gia chơi 02 dây hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim L làm đầu thảo (chủ hội). Cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Hội khui ngày 21/6/2024âl (nhằm ngày 26/7/2024dl), măn ngày 05/3/2026âl (nhằm ngày 21/4/2026dl), loại hội 500.000đ/tuần, mỗi tuần khui một lần, theo thỏa thuận thì hội viên nào trả lãi cao nhất sẽ được lĩnh hội, dây hội gồm 82 phần, tiền huê hồng chủ hội hưởng là 300.000đ. Anh tham gia chơi 05 phần. Bà L ghi trong danh sách hội tên thường gọi của anh là Mười Ba. Dây hội này anh góp cho bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D được 52 kỳ.

Dây hội thứ 2: Hội khui ngày 05/02/2025âl (nhằm ngày 04/3/2025dl), măn ngày 19/6/2026âl (nhằm ngày 27/11/2026dl), loại hội 500.000đ/tuần, mỗi tuần khui một lần, theo thỏa thuận thì hội viên nào trả lãi cao nhất sẽ được lĩnh hội, dây hội gồm 82 phần, tiền huê hồng chủ hội hưởng là 300.000đ. Anh tham gia chơi 02 phần. Bà L ghi trong danh sách hội tên thường gọi của anh là Mười Ba. Dây hội này anh góp cho bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D được 21 kỳ.

Đến tháng 8/2025 bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D tuyên bố bẻ hội không lý do. Sau khi bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D tuyên bố bẻ hội thì bà L có lập "Tờ thỏa thuận" xác nhận việc anh có tham gia chơi 02 dây hội 500.000đ/tuần/82 hội viên và còn nợ anh tổng cộng số tiền 129.500.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*) bà L ký và ghi rõ họ tên vào tờ thỏa thuận tuy tờ thỏa thuận không ghi ngày tháng năm nhưng anh nhớ là đầu tháng 9/2025. Theo thỏa thuận mỗi tháng bà L, ông D có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) cho đến khi đủ số tiền 129.500.000đ.

Theo thỏa thuận thì vào ngày 25-30 tây hàng tháng là bắt đầu từ ngày 25-30 tháng 10/2025 bà L, ông D sẽ trả tiền cho anh nhưng sau khi ký tờ thỏa thuận bà L, ông D không thực hiện đúng theo thỏa thuận, bà L, ông D chỉ trả cho anh được 5.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 124.500.000đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) thì ngưng không tiếp tục trả cho anh. Anh đã nhiều lần gặp trực tiếp yêu cầu bà L, ông D trả lại cho anh tổng số tiền anh đã góp hội cho bà L, ông D là 124.500.000đ nhưng bà L, ông D cứ khất hẹn hết lần này đến lần khác và đến nay không thực hiện làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh.

Vì vậy, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền hội còn nợ 124.500.000đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 02/02/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Hội phần gồm 82 phần, hội kê 300.000đ/phần, bà còn nợ 124.500.000đ.

Tại phiên toà, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn số tiền hui còn nợ tổng cộng 124.500.000đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn không có mặt theo triệu tập của Toà án là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 15, 18, 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V số tiền hui còn nợ tổng cộng là 124.500.000đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

+ Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự có giá ngạch 6.225.000đ (*Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, qua kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D có địa chỉ cư trú ấp C, xã C1, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền hui còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp họ (hui)”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui còn nợ 124.500.000đ. Phía nguyên đơn có xuất trình danh sách hui, tờ thoả thuận. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L có bản khai trình bày ý kiến thừa nhận còn nợ anh V số tiền hui 124.500.000đ. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông D vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Nên sự việc tham gia hui giữa nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xem đây là sự việc có thật.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, ký tờ thoả thuận cho đến nay phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D còn nợ anh V số tiền 124.500.000đ. Nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Xét bà L và ông D là vợ chồng theo xác nhận ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long và xét việc tham gia hui của bị đơn bà L cũng nhằm lo cho sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, theo lời trình bày của nguyên đơn là ông D biết việc bà L có tham gia hui, là đầu thảo (chủ hui) vì anh V nhiều lần đến nhà của ông D để đòi tiền và có gặp ông D, bà L và ông D, bà L có trả cho anh V được 5.000.000đ. Do đó trách nhiệm trả nợ là của chung vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó việc nguyên đơn anh V yêu cầu bị đơn bà L và ông D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui còn nợ 124.500.000đ, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn và có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ nên có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn bà L, ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn anh V số tiền hui còn nợ tổng cộng là 124.500.000đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là $124.500.000đ \times 5\% = 6.225.000đ$ (*Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V số tiền hui còn nợ tổng cộng 124.500.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới nộp 6.225.000đ (*Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn trả anh Nguyễn Quốc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.112.500đ (*Ba triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0013015 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 và

Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An